TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông
Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Minh Huyền và bà Lê Thị Thanh Thủy
***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Đ, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu M, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Đinh Quang T, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu M, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Đ đều trình bày: chị và anh Đinh Quang T kết hôn vào năm 1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y (nay là thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 04 năm và sống chung từ năm 1990. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại gia đình nhà chồng ở tổ B, khu M, phường C, thành phố C đến nay. Quá trình chung sống, anh chị hầu như không có thời gian hạnh phúc, nhưng vì con chung chị luôn phải nhẫn nhịn chịu đựng cho đến tháng 01/2022 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không thể khắc phục Đ, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp dẫn đến xô xát. Năm 2005, chị Đ còn phát hiện anh T nghiện ma tuý và phải đi chấp hành án 02 năm tù về tội ma tuý, sau khi chấp hành án xong, anh T chẳng những không thay đổi mà còn có những lời nói đe doạ, xúc phạm chị, khiến chị cảm thấy mệt mỏi, ảnh hưởng đến sức khoẻ, tinh thần của chị và các con. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc

nên chị đã quyết định ly thân anh T từ đầu năm 2022 đến nay. Thời gian ly thân, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm đến cuộc sống của anh T nữa và không nói chuyện đoàn tụ gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã Đ hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay chị xác định không còn tình cảm dành cho anh T, mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất trầm trọng, không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị và anh T.

Về con chung: chị và anh Đinh Quang T có 02 con chung là Đinh Hương L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Quốc H, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung: chị và anh T tự thoả thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - anh Đinh Quang T nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy Đ lời khai của anh T, anh T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung và không tiến hành hòa giải Đ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các điều 97, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; nhưng bị đơn không chấp hành quy định, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Đ; về quan hệ hôn nhân: cho chị Đ ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Đinh Quang T hiện cư trú tại tổ 4, khu 1, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đinh Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự; nguyên đơn chị Trần Thị Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đinh Quang T đã đượcTòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y (nay là thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Đinh Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, trước khi kết hôn anh chị đã sống chung từ năm 1990 và có thời gian tìm

hiểu nhau 04 năm. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại gia đình nhà chồng ở tổ B, khu M, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị từ sau khi kết hôn bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; anh T thường xuyên chửi bới, có những lời nói, hành động xúc phạm, đe doạ gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, tinh thần chị Đ. Chị Đ đã cố nhẫn nhịn, chịu đựng và có khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi nên anh chị có những xô sát xảy ra; chị Đ đã quyết định sống ly thân anh T từ tháng 01/2022, không quan tâm đến cuộc sống cũng như không tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình với anh T. Chị thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn Đ, mục đích hôn nhân không đạt Đ nên chị xin Đ ly hôn với anh T.

Theo xác minh tại địa phương thể hiện: chị Đ và anh T là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; anh T còn đánh chị Đ. Thời gian gần đây, anh chị đã ly thân nhau, chị Đ đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không quay lại với anh T nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Đ và anh T là trầm trọng, hai người sống ly thân từ năm 2022, cả hai đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án không đến để tham gia tố tụng, thể hiện anh T không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị Đ xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Lời khai về nguyên nhân phát sinh, tình trạng mâu thuẫn của chị Đ cũng phù hợp với lời khai của con chung, phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ về việc xin ly hôn với anh Đinh Quang T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Trần Thị Đ và anh Đinh Quang T có có 02 con chung là Đinh Hương L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Quốc H, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Trần Thị Đ và anh Đinh Quang T tự thoả thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: chị Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Đinh Quang T.

2. Về con chung: chị Đ, anh T có hai con chung là Đinh Hương L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Quốc H, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên Toà án không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Trần Thị Đ và anh Đinh Quang T tự thoả thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, Đ trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số: 0002075 ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã L, thị xã Quảng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Đông